TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày: 10- 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Xuân Quyền và ông Đinh Xuân Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Đặng Duy N, sinh năm 1989, tại thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: Số A N, phường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Số CCCD: 001089015624; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; con ông Đặng Phúc S (đã chết) và bà Trần Thị V; có vợ là Phùng Thị T và 02 con (con lớn 13 tuổi, con nhỏ 07 tuổi); bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2024 đến ngày 26/12/2024 được tại ngoại; hiện đang tại ngoại - Có mặt.

2. Nguyễn Duy H, sinh năm 1994, tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở hiện nay: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Số CCCD: 026094000877; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Duy H1 và bà Nguyễn Thị P; không có vợ con; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2024 đến ngày 26/12/2024 được tại ngoại; hiện đang tại ngoại - Có mặt.

3. Trương Ngọc C, sinh năm 2001, tại thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Số CCCD: 001201027015; nghề nghiệp: Lao động tự do;

trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; con Trương Ngọc T1 và bà Lê Thị H2; chưa có vợ, con; hiện đang tại ngoại - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1 Chị Lê Thị Thanh T2, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ C, phường N, thành

2 Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ G, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3 Chị Nguyễn Lê Anh N1 sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

4 Anh Tạ Quang C1, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

5 Anh Phùng Văn T3, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

6 Chị Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

7 Anh Võ Hưng N2, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

8 Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ F, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9/2024, Đặng Duy N thuê Trương Ngọc C hoạt động cho người dân vay tiền trả góp với lãi suất cao để kiếm lời. Sau khi đã bàn bạc, thống nhất về hình thức cho vay, N đem theo số tiền 166.750.000đ *(Tiền riêng của N tích cóp có được)* rồi cùng C đi từ thành phố Hà Nội đến địa bàn thành phố G, tỉnh Đắk Nông, thuê nhà tại tổ dân phố A, phường N, để ở và sử dụng số tiền trên hoạt động cho nhiều người vay đóng lãi theo cách thức xoay vòng, số tiền thu lợi bất chính N tiếp tục sử dụng vào việc cho vay lãi nặng. Đến ngày 07/12/2024, C nghỉ làm nên N thuê Nguyễn Duy H tiếp quản lại hoạt động cho vay thay C, N trả tiền lương cho C, H mỗi người 8.000.000đ/tháng.

N bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng với hình thức như sau: Nam đặt in card vist với nội dung *"Cho vay trả góp thủ tục nhanh gọn, giải ngân ngay, LH: 0965.00.9592, có hoa hồng cho người giới thiệu" (Số điện thoại của N)* và đăng bài quảng cáo trên facebook với nội dung *"Vay góp ngày Đắk Nông – 0962915084" (Số điện thoại của H)*. Khi người dân có nhu cầu vay tiền liên hệ thì C, H trực tiếp gặp để xem hoàn cảnh kinh tế của người vay. Hình thức cho vay là vay góp theo ngày, mức tiền cho vay từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ/lần vay, trả góp cả gốc và lãi hằng ngày với số tiền từ 500.000đ/ngày đến 2.000.000đ/ngày, kỳ

hạn vay là 25 ngày, tiền phí thu từ 250.000đ đến 1.500.0000đ. Để đảm bảo cho khoản vay, cả nhóm sẽ giữ giấy tờ tùy thân của người vay như: Giấy phép lái xe, Căn cước công dân, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô,… Người vay nhận và trả tiền trực tiếp hoặc nhận/chuyển khoản từ số tài khoản 0962915084 thuộc Ngân hàng TMCP Q, tên Trương Ngọc C; số tài khoản 121604949999 thuộc Ngân hàng TMCP Q, tên Nguyễn Duy H.

Trong thời gian từ tháng 09/2024 đến thời điểm bị phát hiện, N đưa tiền cho C, H trực tiếp cho 08 cá nhân vay với 17 lượt vay, lãi suất 365%/năm *(cao hơn 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự).* Trong đó, C trực tiếp cho vay, thu tiền góp từ tháng 09/2024 đến hết ngày 06/12/2024 với 08 lượt cho vay. Từ ngày 07/12/2024, C chuyển tiền gốc lại cho H, đưa thông tin của người vay để H tiếp tục đi thu tiền góp và trực tiếp cho 09 lượt vay. Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 12/9/2024 đến ngày 10/12/2024, chị Lê Thị Thanh T2 vay 04 lượt với tổng số tiền 80.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Chị T2 đã đóng tổng tiền lãi, phí với số tiền 16.450.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép là 750.623đ, thu lợi bất chính số tiền đã thu được là 15.699.377đ, thu lợi bất chính số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 16.833.629đ. Chị T2 còn nợ lại số tiền 31.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc là 25.200.000đ, nợ tiền lãi là 6.300.000đ)* cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/9/2024, vay của C số tiền 30.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.500.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp và 1.500.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho chị T2 số tiền 25.500.000đ, đối với khoản vay này C thu lợi bất chính số tiền 8.589.075đ. Chị T2 đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 2: Ngày 05/11/2024, vay của C số tiền 10.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp và 250.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho chị T2 số tiền 8.750.000đ, đối với khoản vay này C thu lợi bất chính số tiền 2.613.025đ. Chị T2 đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 3: Ngày 26/11/2024, đáo hạn khoản vay thứ 2 để vay của C số tiền 10.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp và 250.000đ tiền phí vay, tiền góp còn nợ của khoản vay thứ 2. Sau đó, đưa cho chị T2 số tiền 6.750.000đ, đối với khoản vay này C thu tiền góp đến ngày 06/12/2024, thu lợi bất chính số tiền 1.384.252đ, số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.613.025đ. Từ ngày 07/12/2024, H thu tiền góp của chị T2, thu lợi bất chính số tiền 1.228.773đ. Chị T2 đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 4: Ngày 10/12/2024, vay của H số tiền 30.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.500.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 750.000đ tiền phí vay và tiền nợ góp của khoản vay thứ 3. Sau đó, đưa cho chị T2 số tiền 20.750.000đ, đối với khoản vay này chị T2 trả tiền góp được 04 ngày, H thu lợi bất chính số tiền 1.884.252đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 3.018.504đ. Đối với khoản vay này, chị T2 còn nợ 21 ngày tiền góp với số tiền 31.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc là 25.200.000đ, nợ tiền lãi là 6.300.000đ)*

2. Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 09/12/2024, chị Nguyễn Thị L vay 03 lượt với tổng số tiền 65.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Chị L đã đóng tổng tiền lãi, phí với số tiền 15.250.000đ tiền lãi pháp luật cho phép là 657.480đ, thu lợi bất chính số tiền đã thu được là 14.592.520đ, thu lợi bất chính số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 14.592.520đ. Chị L còn nợ lại số tiền 21.250.000 *(trong đó nợ tiền gốc là 17.000.000đ, nợ tiền lãi là 4.250.000đ)* cụ thể:

Lần 1: Ngày 11/11/2024, vay của C số tiền 15.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 750.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp và 750.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho chị L số tiền 12.750.000đ, đối với khoản vay này C thu lợi bất chính số tiền 4.294.538đ. Chị L đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 2: Ngày 28/11/2024, chị L đáo hạn khoản vay thứ 1 để vay của C số tiền 25.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.250.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp, 1.250.000đ tiền phí vay và trừ tiền góp còn nợ của khoản vay thứ nhất. Sau đó, đưa cho chị L số tiền 13.000.000đ, đối với khoản vay này C thu tiền góp đến ngày 06/12/2024, thu lợi bất chính số tiền 3.613.025đ, số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 7.157.563đ. Từ ngày 07/12/2024, H thu tiền góp của chị L, thu lợi bất chính số tiền 3.544.538đ. Chị L đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 3: Ngày 09/12/2024, vay của H số tiền 25.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.250.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 1.250.000đ tiền phí vay và tiền nợ góp của khoản vay thứ 3. Sau đó, đưa cho chị L số tiền 8.000.000đ, đối với khoản vay này chị L trả tiền góp được 08 ngày, H thu lợi bất chính số tiền 3.140.420đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 3.140.420đ. Đối với khoản vay này, chị L còn nợ 17 ngày tiền góp với số tiền 21.250.000đ *(trong đó nợ tiền gốc là 17.000.000đ, nợ tiền lãi là 4.250.000đ)*.

3. Từ ngày 22/11/2024 đến ngày 11/12/2024, anh Nguyễn Lê Anh N1 vay 02 lượt với tổng số tiền 100.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Anh N1 đã đóng tổng tiền lãi, phí với số tiền 18.500.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép là 849.245đ, thu lợi bất chính số tiền đã thu được là 17.650.755đ, thu lợi bất chính số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 17.650.755đ, anh N1 còn nợ lại số tiền 47.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc là 38.000.000đ, nợ tiền lãi là 9.500.000đ)* cụ thể:

Lần 1: Ngày 22/11/2024, vay của C số tiền 50.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 2.500.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp, 1.500.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho anh N1 số tiền 43.500.000đ, đối với khoản vay này C thu tiền góp đến ngày 06/12/2024, thu lợi bất chính số tiền 9.534.285đ, số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 13.315.125đ. Từ ngày 07/12/2024, H thu tiền góp của anh N1, thu lợi bất chính số tiền 3.780.840đ, anh N1 đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 2: Ngày 11/12/2024, anh N1 đáo hạn khoản vay thứ 1 để vay của H số tiền 50.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 2.500.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 1.500.000đ tiền phí vay và tiền nợ góp của khoản vay thứ 1. Sau đó, đưa cho anh N1 số tiền 28.500.000đ, đối với khoản vay này anh N1 trả tiền góp được

06 ngày, H thu lợi bất chính số tiền 4.335.630đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 4.335.630đ. Đối với khoản vay này, anh N1 còn nợ 19 ngày tiền góp với số tiền 47.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc là 38.000.000đ, nợ tiền lãi là 9.500.000đ)*

4. Từ ngày 19/11/2024 đến ngày 12/12/2024, anh Tạ Quang C1 vay 02 lượt với tổng số tiền 70.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Anh C1 đã đóng tổng tiền lãi, phí với số tiền 12.000.000đ tiền lãi pháp luật cho phép là 520.505đ, thu lợi bất chính số tiền đã thu được là 11.479.495đ, thu lợi bất chính số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 11.479.495đ. Anh C1 còn nợ lại số tiền 40.000.000đ *(trong đó nợ tiền gốc là 30.000.000đ, nợ tiền lãi là 10.000.000đ)* cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/11/2024, vay của C số tiền 30.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.500.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp, 1.500.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho anh C1 số tiền 25.500.000đ, đối với khoản vay này C thu tiền góp đến ngày 06/12/2024, thu lợi bất chính số tiền 6.887.697đ, số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 8.589.075đ. Từ ngày 07/12/2024, H thu tiền góp của anh C1, thu lợi bất chính số tiền 1.701.378đ, anh C1 đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 2: Ngày 12/12/2024, vay của H số tiền 40.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 2.000.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 1.000.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho anh C1 số tiền 35.000.000đ, đối với khoản vay này anh C1 trả tiền góp được 05 ngày, H thu lợi bất chính số tiền 2.890.420đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.890.420đ. Đối với khoản vay này, anh C1 còn nợ 20 ngày tiền góp với số tiền 40.000.000đ *(trong đó nợ tiền gốc 30.000.000đ, nợ tiền lãi 10.000.000đ)*

5. Ngày 13/12/2024, anh Phùng Văn T3 vay của H số tiền 50.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 2.500.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 2.500.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho anh T3 số tiền 42.500.000đ, đối với khoản vay này anh T3 trả tiền góp được 04 ngày, với tổng số tiền lãi, tiền phí đã đóng là 4.500.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép là 109.580đ, H thu lợi bất chính số tiền 4.390.420đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 4.390.420đ. Đối với khoản vay này, anh T3 còn nợ 21 ngày tiền góp với số tiền 52.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc 42.000.000đ, nợ tiền lãi 10.500.000đ)*.

6. Từ ngày 26/11/2024 đến ngày 16/12/2024, chị Nguyễn Thị Ngọc L1 vay 03 lượt với tổng số tiền 90.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Chị L1 đã đóng tổng tiền lãi, phí với số tiền 13.100.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép là 525.984đ, thu lợi bất chính số tiền đã thu được là 12.574.016đ, thu lợi bất chính số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.574.016đ. Chị L1 còn nợ lại số tiền 64.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc là 51.600.000đ, nợ tiền lãi là 12.900.000đ)* cụ thể:

Lần 1: Ngày 26/11/2024, vay của C số tiền 20.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.000.000đ. C trừ 02 ngày tiền góp, 1.000.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho chị L1 số tiền 17.000.000đ, đối với khoản vay này C thu tiền góp đến ngày 06/12/2024, thu lợi bất chính số tiền 3.268.504đ, số tiền thu lợi bất chính

phải chịu trách nhiệm hình sự là 5.726.050đ. Từ ngày 07/12/2024, H thu tiền góp của chị L1, thu lợi bất chính số tiền 2.457.546đ, chị lên đã góp đủ tiền gốc, lãi.

Lần 2: Ngày 08/12/2024, vay của H số tiền 40.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 2.000.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 1.000.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho chị L1 số tiền 35.000.000đ, đối với khoản vay này chị L1 trả tiền góp được 10 ngày, H thu lợi bất chính số tiền 4.780.840đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 4.780.840đ. Đối với khoản vay này, chị L1 còn nợ 15 ngày tiền góp với số tiền 30.000.000đ *(trong đó nợ tiền gốc 24.000.000đ, nợ tiền lãi 6.000.000đ)*.

Lần 3: Ngày 16/12/2024, chi Lên đáo hạn khoản vay lần 1 để vay của H số tiền 30.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.500.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 1.500.000đ tiền phí vay và tiền góp còn nợ của khoản vay lần 1. Sau đó, đưa cho chị L1 số tiền 17.250.000đ, đối với khoản vay này chị L1 trả tiền góp được 02 ngày, H thu lợi bất chính số tiền 2.067.126đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.067.126đ. Đối với khoản vay này, chị L1 còn nợ 23 ngày tiền góp với số tiền 34.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc 27.600.000đ, nợ tiền lãi 6.900.000đ)*.

7. Ngày 10/12/2024, anh Võ Hưng N2 vay của H số tiền 20.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.000.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 1.000.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho anh T3 số tiền 17.000.000đ, đối với khoản vay này anh N2 trả tiền góp được 08 ngày với tổng số tiền lãi, phí là 2.600.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép là 87.664đ, H thu lợi bất chính số tiền 2.512.336đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.512.336đ. Đối với khoản vay này, anh N2 đã trả tiền gốc cho H.

8. Ngày 12/12/2024, chị Nguyễn Ngọc A vay của H số tiền 30.000.000đ góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 1.500.000đ. H trừ 02 ngày tiền góp, 1.500.000đ tiền phí vay. Sau đó, đưa cho chị Ngọc A số tiền 25.500.000đ, đối với khoản vay này chị Ngọc A trả tiền góp được 06 ngày với tổng số tiền lãi, phí là 3.300.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép là 98.622đ, H thu lợi bất chính số tiền 3.201.378đ, số tiền thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 3.201.378đ. Đối với khoản vay này, chị Ngọc A còn nợ 19 ngày tiền góp với số tiền 28.500.000đ *(trong đó nợ tiền gốc 22.800.000đ, nợ tiền lãi 5.700.000đ)*.

Như vậy, Đặng Duy N với vai trò là chủ mưu đưa tiền gốc cho Trương Ngọc C và Nguyễn Duy H để cho người khác vay tiền, thu tiền góp nên phải chịu trách nhiệm với toàn bộ tiền thu lãi bất chính mà C, H thu được từ người vay tiền với tổng số tiền giao dịch cho vay là 505.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi, tiền phí đã thu của người vay là 85.700.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép là 3.599.703đ, thu lợi bất chính số tiền đã thu của người vay là 82.100.297đ. Tổng số tiền lãi, tiền phí mà người vay phải trả đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 86.900.000đ, tiền lãi pháp luật cho phép đến thời điểm bị phát hiện là 3.665.451, tiền lãi phải chịu trách nhiệm hình sự là 83.234.549đ.

Đối với bị cáo Trương Ngọc C: Từ tháng 09/2024 đến ngày 06/12/2024, N đưa tiền để C trực tiếp cho vay 08 lượt với tổng số tiền là 190.000.000đ. Tiền lãi, tiền phí mà người vay phải trả đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 52.897.475đ, tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 40.184.401đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy H: Từ ngày 07/12/2024 đến ngày 17/12/2024, H đi thu tiền góp của những người vay trước của C theo chỉ đạo của N. H trực tiếp cho vay 09 lượt với tổng số tiền là 315.000.000đ. Tiền lãi, tiền phí mà người vay phải trả đến thời điểm bị phát hiện phải chịu trách nhiệm hình sự là 43.050.149đ, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 41.915.897đ.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-GN ngày 14 tháng 5 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã truy tố các bị cáo Đặng Duy N, Nguyễn Duy H, Trương Ngọc C về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Duy N, Nguyễn Duy H, Trương Ngọc C phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Duy N từ 150.000.000đ – 160.000.000đ; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H từ 80.000.000đ đến 100.000.000đ; Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Ngọc C từ 100.000.000đ – 120.000.000đ;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46 và khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 05 giấy tờ liên quan đến hoạt động cho vay gồm: 03 Căn cước công dân *(mang tên Nguyễn Lê Anh N1, Phùng Anh T4, Nguyễn Ngọc A),* 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô *(mang tên Lê Thị Thanh T2),* 01 giấy phép lái xe *(mang tên Phùng Anh T4)* là tài sản của người vay tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 1350/QĐ-CSHS bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, cần chấp nhận.

- Đối với 6220 card vist là phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 căn cước công dân *(mang tên Trần Đ)* là vật chứng vụ án, chưa xác định được chủ sở hữu cần lưu theo hồ sơ vụ án; tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Duy H số tiền 1.250.000đ đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng, IMEI: 355346089828832 của Nguyễn Duy H dùng vào việc phạm tội;

- Trả lại 01 xe mô tô Honda Wave A màu xanh, biển kiểm soát 48AE-056-62 và giấy tờ liên quan đến xe mô tô thu giữ của bị cáo Trương Ngọc C; trả lại cho

bị cáo Đặng Duy N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, IMEI: 355157/58/175313/3.

*** Biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Đối với khoản tiền cho vay là **166.750.000đ** đây là số tiền dùng vào phạm tội nên truy thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là **3.599.703đ** là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên truy thu sung gân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền **82.100.297đ** thu lợi bất chính mà các bị cáo thu được từ việc cho vay lãi nặng của 08 người vay nên trả lại cho những người vay *(Có bảng kê kèm theo).*

- Đối với số tiền vay **242.200.000đ** các bị cáo cho 08 người vay, những người này chưa trả vì vậy cần truy thu để sung ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có cở sở xác định:

Từ tháng 9/2024 đến ngày 17/12/2024, tại địa bàn thành phố G, tỉnh Đắk Nông, Đặng Duy N sử dụng số tiền gốc của mình là 166.750.000đ cùng Trương Ngọc C và Nguyễn Duy H cho 08 cá nhân vay tiền với 17 lượt, lãi suất 365%/năm *(cao gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự).* Với số tiền gốc ban đầu, các bị cáo xoay vòng cho vay nhiều lượt với tổng số tiền cho vay là 505.000.0000đ. Trong đó, số tiền thu lợi bất chính trong khi cùng phạm tội của Đặng Duy N là **83.234.549đ;** Trương Ngọc C là **52.897.475đ** và Nguyễn Duy H là **43.050.149đ**.

Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Đặng Duy N, Trương Ngọc C và Nguyễn Duy H phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

……

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, gây thiệt hại về tài sản cho người vay, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Với tình hình hiện nay các tội phạm về tài chính, tín dụng đen xuất hiện khá nhiều, ảnh xấu đến tình hình kinh tế của xã hội và bức xúc cho người dân nên xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Các bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Trương Ngọc C tự giác ra đầu thú tại cơ quan điều tra nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia phạm tội với vai trò tính chất khác nhau nên cần phân hoá để xác định hình phạt tương xứng. Bị cáo Đặng Duy N là người cầm đầu, chủ mưu, bằng số tiền gốc của bản thân N đã nảy sinh ý định cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính, Nam thuê C và H làm việc cho mình theo cách thức mà N đưa ra. Toàn bộ tiền thu lợi N sẽ sử dụng và trả tiền công cho C và H mỗi tháng 8.000.000đ. C và H tham gia với vai trò ngang nhau, số tiền các bị cáo thu lợi cho N cũng gần như tương đương, vì vậy cần đánh giá hình phạt của Nam cao hơn C và H đồng thời N cũng là người phải chịu trách nhiệm về việc truy thu tiền gốc và tiền lãi thu lợi bất chính theo quy định.

Áp dụng Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và việc xét xử vụ án hình sự về "*tội cho vay lãi nặng*" trong giao dịch dân sự. "*Xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình*

thức băng, ổ nhóm thì xem xét áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính". Xét hành vi phạm tội của bị cáo, ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chấp hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm đảm bảo chính sách của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 46 và khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- 05 giấy tờ liên quan đến hoạt động cho vay gồm: 03 Căn cước công dân *(mang tên Nguyễn Lê Anh N1, Phùng Anh T4, Nguyễn Ngọc A)*, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô *(mang tên Lê Thị Thanh T2)*, 01 giấy phép lái xe *(mang tên Phùng Anh T4)* là tài sản của người vay tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 1350/QĐ-CSHS bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, cần chấp nhận.

- Đối với 6220 card vist là phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 căn cước công dân *(mang tên Trần Đ)* là vật chứng vụ án, chưa xác định được chủ sở hữu cần lưu theo hồ sơ vụ án; tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Duy H số tiền 1.250.000đ đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng, IMEI: 355346089828832 của Nguyễn Duy H dùng vào việc phạm tội;

- Trả lại 01 xe mô tô Honda Wave A màu xanh, biển kiểm soát 48AE-056-62 và giấy tờ liên quan đến xe mô tô thu giữ của bị cáo Trương Ngọc C; trả lại cho bị cáo Đặng Duy N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, IMEI: 355157/58/175313/3.

[8] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền gốc mà những người liên quan còn nợ chưa trả cho bị cáo là **242.200.000đ**, trong đó: chị Lê Thị Thanh T2 là 25.200.000đ, chị Nguyễn Thị L là 17.000.000đ, chị Nguyễn Lê Anh N1 là 38.000.000đ, anh Tạ Quang C1 là 32.000.000đ, anh Phùng Văn T3 là 42.000.000đ, chị Nguyễn Thị Ngọc L1 là 51.600.000đ, anh Võ Hưng N2 là 13.600.000đ, anh Nguyễn Ngọc A là 22.800.000đ.

- Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Đặng Duy N số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là **3.599.703đ**.

- Buộc bị cáo Đặng Duy N trả lại cho những người vay số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính là **82.100.297đ,** cụ thể: Chị Lê Thị Thanh T2 là 15.699.377đ, chị Nguyễn Thị L là 14.592.520đ, chị Nguyễn Lê Anh N1 là 17.650.755đ, anh Tạ Quang C1 là 11.479.495đ, anh Phùng Văn T3 là 4.390.420đ, chị Nguyễn Thị Ngọc L1 là 12.574.016đ, anh Võ Hưng N2 là 2.512.336đ, anh Nguyễn Ngọc A là 3.201.378đ.

[9] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Đặng Duy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính và phải có nghĩa vụ trả lại cho người liên quan là 4.105.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo **Đặng Duy N, Trương Ngọc C, Nguyễn Duy H** phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Đặng Duy N **160.000.000đ** *(một trăm sáu mươi triệu đồng)* sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H **90.000.000đ** *(chín mươi triệu đồng)* sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc C **90.000.000đ** *(chín mươi triệu đồng)* sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 1350/QĐ-CSHS bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp 05 giấy tờ liên quan đến hoạt động cho vay gồm: 03 Căn cước công dân *(mang tên Nguyễn Lê Anh N1, Phùng Anh T4, Nguyễn Ngọc A),* 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô *(mang tên Lê Thị Thanh T2),* 01 giấy phép lái xe *(mang tên Phùng Anh T4).*

- Tịch thu, tiêu hủy đối với 6220 card vist là phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 01 căn cước công dân *(mang tên Trần Đ)* là vật chứng vụ án, chưa xác định được chủ sở hữu cần lưu theo hồ sơ vụ án; tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Duy H số tiền 1.250.000đ đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng, IMEI: 355346089828832 của Nguyễn Duy H dùng vào việc phạm tội;

- Trả lại 01 xe mô tô Honda Wave A màu xanh, biển kiểm soát 48AE-056-62 và giấy tờ liên quan đến xe mô tô thu giữ của bị cáo Trương Ngọc C; trả lại cho bị cáo Đặng Duy N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, IMEI: 355157/58/175313/3.

(Có đặc điểm như tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2025 giữa Công an thành phố G và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Gia Nghĩa)

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền gốc mà những người liên quan còn nợ chưa trả cho bị cáo là **242.200.000đ**, trong đó: chị Lê Thị Thanh T2 là 25.200.000đ, chị Nguyễn Thị L là 17.000.000đ, chị Nguyễn Lê Anh N1 là 38.000.000đ, anh Tạ Quang C1 là 32.000.000đ, anh Phùng Văn T3 là 42.000.000đ, chị Nguyễn Thị Ngọc L1 là 51.600.000đ, anh Võ Hưng N2 là 13.600.000đ, anh Nguyễn Ngọc A là 22.800.000đ.

- Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Đặng Duy N số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là **3.599.703đ**.

- Buộc bị cáo Đặng Duy N trả lại cho những người vay số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính là **82.100.297đ,** cụ thể: Chị Lê Thị Thanh T2 là 15.699.377đ, chị Nguyễn Thị L là 14.592.520đ, chị Nguyễn Lê Anh N1 là 17.650.755đ, anh Tạ Quang C1 là 11.479.495đ, anh Phùng Văn T3 là 4.390.420đ, chị Nguyễn Thị Ngọc L1 là 12.574.016đ, anh Võ Hưng N2 là 2.512.336đ, anh Nguyễn Ngọc A là 3.201.378đ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Đặng Duy N, Trương Ngọc C, Nguyễn Duy H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Đặng Duy N phải chịu thêm 4.105.000 đồng (*bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP. Gia Nghĩa;
- CCTHADS TP. Gia Nghĩa;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến